BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HK 3 - NĂM HỌC 2025-2026 - LẦN 1

| STT | MÃ SSV | HỌ VÀ TÊN | LỚP HỌC | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG | MỨC HƯỞNG | HỌC PHÍ ĐÃ ĐÓNG | SỐ TIỀN HOÀN TRẢ | NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ | NHÀ TRƯỜNG HỖ TRỢ | SỐ TIỀN THỰC NHẬN | CCCD | SỐ TKNH | TÊN NGÂN HÀNG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2331540131 | Tạ Hoàng Gia Hiếu | 23ĐHTT03 | 30/01/2005 | Con bệnh binh | 100% | 5.880.000 | 5.880.000 | | | | | | | |
| 2 | 2331310369 | Nguyễn Thị Thu Hiền | 23ĐHQTKQ2 | 10/07/2005 | Con thương binh | 100% | 2.700.000 | 2.700.000 | | | | | | | |
| 3 | 2331510003 | Nguyễn Ngọc Thế Bảo | 23ĐHĐT01 | 18/07/2005 | Con thương binh | 100% | 18.460.000 | 18.460.000 | | | | | | | |
| 4 | 2433520015 | Đoàn Huỳnh Minh Tiệp | 24ĐHKT01 | 22/10/2006 | Con thương binh | 100% | 15.675.000 | 15.675.000 | | | | | | | |
| 5 | 2433710009 | Lê Đức Anh | 24ĐHKL01 | 06/07/2006 | Con thương binh | 100% | 17.611.000 | 17.611.000 | | | | | | | |
| 6 | 2431540258 | Phạm Ngọc Huy | 24ĐHTT05 | 27/04/2006 | Con thương binh | 100% | 15.675.000 | 15.675.000 | | | | | | | |
| 7 | 2531710008 | Nguyễn Võ Thanh Cường | 25ĐHKL01 | 13/12/2007 | Con thương binh | 100% | 18.576.000 | 18.576.000 | | | | | | | |
| 8 | 2531520206 | Phạm Thế Hiển | 25ĐHKT02 | 28/12/2007 | Con thương binh | 100% | 9.616.000 | 9.616.000 | | | | | | | |
| 9 | 2531540377 | Nguyễn An Thịnh | 25ĐHSA04 | 02/02/2007 | Con thương binh | 100% | 16.636.000 | 16.636.000 | | | | | | | |
| 10 | 2531720250 | Trần Thiên Phú | 25ĐHNA05 | 21/11/2007 | Con thương binh | 100% | 14.536.000 | 14.536.000 | | | | | | | |
| 11 | 2531720618 | Phùng Ngọc Minh Tâm | 25ĐHNA10 | 15/06/2007 | Con thương binh | 100% | 14.536.000 | 14.536.000 | | | | | | | |
| 12 | 2531710124 | Trần Quang Minh | 25ĐHKL03 | 10/01/2007 | Con thương binh | 100% | 14.736.000 | 14.736.000 | | | | | | | |
| 13 | 2531720053 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh | 25ĐHNA01 | 10/03/2007 | Con thương binh | 100% | 19.622.000 | 19.622.000 | | | | | | | |
| 14 | 2531540117 | Lê Hoàng Hải | 25ĐHAB01 | 11/12/2007 | Con người bị chất độc màu da cam | 100% | 18.572.000 | 18.572.000 | | | | | | | |
| 15 | 2431310196 | Phạm Võ Trâm Anh | 24ĐHQT04 | 02/09/2006 | Sinh viên khuyết tật | 100% | 16.720.000 | 16.720.000 | | | | | | | |
| 16 | 2431540173 | Trần Nguyễn Gia Bảo | 24ĐHTT03 | 19/02/2005 | Sinh viên khuyết tật | 100% | 15.675.000 | 15.675.000 | | | | | | | |
| 17 | 2433710081 | Vũ Trung Quân | 24ĐHKL01 | 17/06/2006 | Sinh viên khuyết tật | 100% | 13.585.000 | 13.585.000 | | | | | | | |
| 18 | 2531530161 | Phạm Lê Bảo Trâm | 25ĐHUR02 | 28/08/2007 | Sinh viên khuyết tật | 100% | 15.586.000 | 15.586.000 | | | | | | | |
| 19 | 2531530051 | Lê Chí Nghĩa | 25ĐHTĐ01 | 26/10/2007 | Sinh viên mồ côi cha mẹ | 100% | 17.522.000 | 17.522.000 | | | | | | | |
| 20 | 2531720743 | Lại Ngọc Mai Anh | 25ĐHNA12 | 20/01/2007 | Sinh viên mồ côi cha mẹ | 100% | 16.472.000 | 16.472.000 | | | | | | | |
| 21 | 2431310474 | Khà Cẩm Tú | 24ĐAQT01 | 07/12/2006 | Dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo | 100% | 18.846.000 | 18.846.000 | | | | | | | |
| 22 | 2531520124 | Hoàng A Minh | 25ĐHKT02 | 13/01/2007 | Dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo | 100% | 25.008.000 | 25.008.000 | | | | | | | |
| 23 | 2531320291 | Lê Thị Thùy Trang | 25ĐHNL05 | 23/07/2007 | Dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo | 100% | 19.622.000 | 19.622.000 | | | | | | | |
| 24 | 2331310365 | An Quốc Cường | 23ĐHQT07 | 07/12/2005 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 5.880.000 | 4.116.000 | | | | | | | |
| 25 | 2331710094 | Tòng Bùi Thành Long | 23ĐHKL02 | 09/11/2005 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 17.640.000 | 12.348.000 | | | | | | | |
| 26 | 2431540308 | Hoàng Yến Nhi | 24ĐHTT06 | 18/07/2006 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 18.810.000 | 13.167.000 | | | | | | | |

| STT | MÃ SSV | HỌ VÀ TÊN | LỚP HỌC | NGÀY SINH | ĐỐI TƯỢNG | MỨC HƯỞNG | HỌC PHÍ ĐÃ ĐÓNG | SỐ TIỀN HOÀN TRẢ | NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ | NHÀ TRƯỜNG HỖ TRỢ | SỐ TIỀN THỰC NHẬN | CCCD | SỐ TKNH | TÊN NGÂN HÀNG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | 2433520068 | Lương Văn Định | 24ĐHKT01 | 11/09/2006 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 27.170.000 | 19.019.000 | | | | | | | |
| 28 | 2431540160 | Lương Anh Tú | 24ĐHTT03 | 24/10/2006 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 15.675.000 | 10.972.500 | | | | | | | M |
| 29 | 2534310016 | Thái Ngọc Huyền | 25ĐAQH01 | 16/03/2007 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 18.736.000 | 13.115.200 | | | | | | | |
| 30 | 2531540284 | Đăk Chăk Long Anh | 25ĐHSA03 | 13/05/2007 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 5.086.000 | 3.560.200 | | | | | | | M |
| 31 | 2531550103 | Bùi Thị Huê | 25ĐHQK02 | 28/10/2007 | Dân tộc thiểu số thuộc khu vực III | 70% | 12.436.000 | 8.705.200 | | | | | | | |
| 32 | 2331310472 | Thạch Thị Kim Xuyến | 23ĐHQT09 | 28/03/2005 | Dân tộc thiểu số thuộc xã đặc biệt khó khăn | 70% | 5.640.000 | 3.948.000 | | | | | | | |
| 33 | 2531720706 | Lương Thị Phương Thảo | 25ĐHNA09 | 15/10/2007 | Dân tộc thiểu số thuộc xã đặc biệt khó khăn | 70% | 14.536.000 | 10.175.200 | | | | | | | |
| 34 | 2433710005 | Nguyễn Trần Hà Sơn | 24ĐHKL01 | 24/10/2006 | Con của người tai nạn lao động | 50% | 15.675.000 | 7.837.500 | | | | | | | |
| 35 | 2431740223 | Trần Quỳnh Thy | 24ĐAKV01 | 26/12/2006 | Con của người tai nạn lao động | 50% | 15.675.000 | 7.837.500 | | | | | | | |
| 36 | 2531740310 | Nguyễn Bùi Minh Khánh | 25ĐHKV04 | 18/06/2007 | Con của người tai nạn lao động | 50% | 14.536.000 | 7.268.000 | | | | | | | |
| | | **Tổng cộng:** | | | | | | **483.936.300** | | | | | | | |